

GIÁ TRỊ LỊCH SỬ CỦA TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC THỜI LÊ THÁNH TÔNG VÀ VẬN DỤNG TRONG XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN ĐẠI*
TRẦN THỊ BÍCH NGÀ**

Trong lịch sử phát triển quốc gia gắn liền với kiểu nhà nước phong kiến ở Việt Nam, chính thể nhà nước quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền ở các triều đại đã có nhiều thành tựu trong kỹ thuật lập pháp, tổ chức bộ máy nhà nước, xây dựng nền dân chủ, bảo đảm quyền con người, nhân văn và tiến bộ xã hội. Trong đó, phải kể đến giai đoạn trị vì của Vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) gắn với Bộ luật Hồng Đức và một mô hình nhà nước được đánh giá cao trong lịch sử phong kiến Việt Nam về tổ chức bộ máy và cơ chế vận hành. Bài viết khái quát một số giá trị điển hình của mô hình nhà nước thời kỳ Lê Thánh Tông, từ đó, vận dụng vào thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay.

Từ khóa: Bộ máy nhà nước; Vua Lê Thánh Tông; thời kỳ phong kiến; Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Throughout Viet Nam's history under feudal rule, centralized absolute monarchies under various dynasties achieved significant accomplishments in legislative techniques, state apparatus organization, democratic development, human rights assurance, humanitarian values, and social progress. Notably, the reign of King Le Thanh Tong (1460 - 1497) was associated with the Hong Duc Code and a state model highly regarded in Vietnamese feudal history for its organizational structure and operating mechanisms. This article outlines several representative values of the state model under Le Thanh Tong. It examines their application to the current process of building a socialist rule-of-law state in Viet Nam.

Keywords: State apparatus; King Le Thanh Tong; feudal period; socialist rule-of-law state.

NGÀY NHẬN: 20/8/2026 NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 25/9/2026 NGÀY DUYỆT ĐĂNG: 19/10/2026

Email: dainv@vinhuni.edu.vn; ngattb@hub.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.371.2026.1688>

1. Đặt vấn đề

Lịch sử thời kỳ Vua Lê Thánh Tông trị vì giữ vị trí đặc biệt trong tiến trình phát triển của Đại Việt. Đây là giai đoạn đất nước đạt đến đỉnh cao về chính trị, kinh tế, quân sự và pháp luật; đồng thời, gắn liền với hệ thống tư

tưởng và quan điểm của Lê Thánh Tông về tổ chức nhà nước, quản trị quốc gia và xây dựng

* TS, Trường Đại học Vinh

** TS, Trường Đại học Ngân hàng Thành phố Hồ Chí Minh

pháp luật, tạo nền tảng cho mô hình nhà nước quân chủ tập quyền phát triển ổn định và để lại nhiều giá trị được các triều đại sau kế thừa.

Những giá trị trong tư tưởng và thực tiễn trị nước của Lê Thánh Tông đã được nhiều ngành khoa học, như: lịch sử, triết học, chính trị học và lịch sử nhà nước và pháp luật nghiên cứu dưới nhiều góc độ khác nhau. Trong bối cảnh Việt Nam đang tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN, đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước, cải cách hành chính và hoàn thiện mô hình chính quyền địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, việc tiếp tục nghiên cứu di sản chính trị - pháp lý của thời kỳ Lê Thánh Tông dưới góc độ khoa học chính trị và pháp lý vẫn có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn, góp phần cung cấp những giá trị tham khảo cho quá trình hoàn thiện thể chế và quản trị quốc gia hiện nay.

2. Những thành tựu trong xây dựng bộ máy nhà nước và hoàn thiện pháp luật thời kỳ Lê Thánh Tông

Bộ máy nhà nước thời kỳ Lê Thánh Tông được tổ chức theo hướng tập trung, thống nhất, trong đó chính quyền trung ương quản lý đất nước thông qua các bộ và cơ quan chuyên trách; các cơ quan này được phân định rõ chức năng, quyền hạn nhưng đồng thời chịu sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ (Trương Vinh Khang, 2022). Cùng với đó, đội ngũ quan lại được tuyển chọn, đào tạo và sử dụng theo hướng chuyên nghiệp, gắn với chế độ tiền lương nhằm nâng cao trách nhiệm, hạn chế tham nhũng và bảo đảm sự trung thành với triều đình. Đặc biệt, Lê Thánh Tông đề cao vai trò của pháp luật trong quản lý nhà nước và xã hội, xây dựng hệ thống hành chính thống nhất đến cấp xã, giảm các tầng nấc trung gian, đồng thời, tăng cường quản lý đất đai và tài nguyên để tạo nền tảng kinh tế vững chắc cho quốc gia.

Một dấu ấn nổi bật trong thời kỳ này là việc ban hành *Bộ luật Hồng Đức*, thể hiện rõ tư tưởng pháp trị và xây dựng khuôn khổ

pháp lý tương đối toàn diện cho hoạt động của bộ máy nhà nước và đời sống xã hội. Bộ luật quy định cụ thể quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan nhà nước, quan lại và người dân, góp phần nâng cao kỷ cương, hiệu lực quản lý và phản ánh tư duy pháp quyền tiến bộ, hiếm thấy trong bối cảnh các quốc gia phong kiến Đông Á cùng thời.

Thứ nhất, không ngừng củng cố quyền lực trung ương, xây dựng nhà nước quân chủ tập quyền vững mạnh.

Quân chủ là hình thức chính thể mà quyền lực nhà nước tập trung chủ yếu vào người đứng đầu quốc gia và được chuyển giao theo nguyên tắc kế vị. Trong lịch sử Việt Nam, các triều đại phong kiến đều lựa chọn mô hình quân chủ tập quyền nhằm bảo đảm sự thống nhất quyền lực, giữ vững ổn định chính trị và tăng cường năng lực quản lý quốc gia (Hoàng Thị Kim Quế, 2015). Dưới thời Lê Thánh Tông, mô hình này được hoàn thiện ở mức cao nhất thông qua cuộc cải cách toàn diện về tổ chức bộ máy nhà nước, góp phần xây dựng một chính quyền trung ương thống nhất, hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đủ khả năng quản lý lãnh thổ rộng lớn của Đại Việt.

Mục tiêu xuyên suốt trong cải cách của Lê Thánh Tông là tăng cường quyền lực của triều đình trung ương; đồng thời, khắc phục tình trạng phân tán quyền lực và cát cứ địa phương còn tồn tại từ các giai đoạn trước. Trên cơ sở đó, nhà vua tiến hành tổ chức lại bộ máy hành chính theo hướng phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của từng cơ quan. Hệ thống Lục Bộ (Lại, Hộ, Lễ, Binh, Hình, Công) được kiện toàn để thực hiện chức năng quản lý nhà nước trên các lĩnh vực chủ yếu. Bên cạnh đó, các cơ quan như Ngự sử đài, Lục khoa, Hàn lâm viện và Đông các được củng cố nhằm thực hiện chức năng tham mưu, giám sát và kiểm tra hoạt động của bộ máy hành chính. Cơ chế này vừa bảo đảm sự thống nhất quyền lực dưới sự lãnh đạo của nhà vua, vừa hình thành phương thức kiểm soát quyền lực giữa các cơ quan trong bộ máy nhà nước, hạn chế tình

trạng lạm quyền và nâng cao trách nhiệm của đội ngũ quan lại.

Ở địa phương, Lê Thánh Tông tiến hành cải cách sâu rộng thông qua việc thiết lập hệ thống đạo thừa tuyên, phủ, huyện và xã theo mô hình quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước. Quan lại địa phương do triều đình trực tiếp bổ nhiệm, chịu trách nhiệm trước nhà vua và không được hình thành các thế lực riêng. Đồng thời, nhiều đặc quyền của tầng lớp quý tộc và các lực lượng cát cứ từng tồn tại trước đó được bãi bỏ, góp phần củng cố quyền lực thống nhất của chính quyền trung ương. Mô hình quản lý này tạo điều kiện để triều đình kiểm soát hiệu quả dân cư, đất đai, tài chính, quân đội và việc thực thi pháp luật, đồng thời nâng cao khả năng huy động nguồn lực phục vụ phát triển đất nước.

Xét dưới góc độ khoa học chính trị, giá trị cốt lõi trong tư tưởng tổ chức quyền lực của Lê Thánh Tông không nằm ở việc tập trung quyền lực tuyệt đối vào nhà vua mà ở việc xây dựng một bộ máy nhà nước thống nhất, phân công chức năng rõ ràng, gắn quyền hạn với trách nhiệm và thiết lập cơ chế giám sát giữa các cơ quan trong quá trình thực thi quyền lực. Đây cũng là tiền đề quan trọng để nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia trong bối cảnh lịch sử đương thời.

Thứ hai, xây dựng và hoàn thiện pháp luật để quản lý xã hội - giá trị về tư duy lập pháp và bảo đảm tính tối cao của pháp luật.

Việc ban hành Bộ Quốc triều hình luật (*Bộ luật Hồng Đức*) không chỉ thể hiện trình độ lập pháp của triều Lê sơ mà còn phản ánh tư tưởng coi pháp luật là công cụ quan trọng để quản lý xã hội và kiểm soát hoạt động của bộ máy công quyền. Giá trị đầu tiên của *Bộ luật Hồng Đức* là tư duy pháp điển hóa, xây dựng một bộ luật thống nhất làm cơ sở điều chỉnh các lĩnh vực chủ yếu của đời sống xã hội. Mặc dù còn mang đặc trưng của pháp luật phong kiến với việc chưa phân định rạch ròi giữa các ngành luật, nhưng việc tập hợp các quy phạm vào một bộ luật thống nhất đã góp phần hạn chế tình trạng tản mạn của

pháp luật, tạo sự đồng bộ trong tổ chức thực hiện và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Nhiều quy định của Bộ luật Hồng Đức xác định rõ hành vi, trách nhiệm và hậu quả pháp lý ngay trong từng điều luật, góp phần nâng cao hiệu lực thi hành và hạn chế cách hiểu, áp dụng pháp luật không thống nhất. Đồng thời, góp phần tạo sự đồng thuận xã hội và nâng cao khả năng tuân thủ pháp luật.

Thứ ba, tập trung quản lý hiệu quả lãnh thổ và dân cư, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ quốc gia Đại Việt.

Một trong những giá trị nổi bật của mô hình nhà nước thời Lê Thánh Tông là xây dựng được cơ chế quản lý thống nhất đối với lãnh thổ và dân cư, qua đó củng cố chủ quyền quốc gia và nâng cao hiệu lực quản trị nhà nước. Trong cuộc cải cách hành chính (từ năm 1466 - 1471), Lê Thánh Tông từng bước kiện toàn hệ thống chính quyền địa phương. “Năm 1466, cả nước được chia thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô; đến năm 1471, sau khi thành lập thêm đạo thừa tuyên Quảng Nam, cả nước có 13 đạo thừa tuyên. Dưới thừa tuyên là phủ, huyện, châu và xã, hình thành hệ thống quản lý hành chính thống nhất từ trung ương đến cơ sở” (Ngô Sĩ Liên & cộng sự, 1998; Phan Huy Lê, 2012). Quan lại địa phương do triều đình trực tiếp bổ nhiệm và chịu sự kiểm tra, giám sát thường xuyên, góp phần hạn chế tình trạng cát cứ, nâng cao trách nhiệm công vụ và bảo đảm sự thống nhất trong thực thi quyền lực nhà nước.

Cùng với việc hoàn thiện tổ chức bộ máy, triều đình chú trọng xây dựng hệ thống quản lý dân cư và đất đai thông qua sổ hộ tịch, sổ ruộng đất và các hoạt động kiểm kê định kỳ. Đây là cơ sở để quản lý thuế, tuyển quân, huy động lao dịch và phân bổ nguồn lực phục vụ phát triển đất nước. Vua Lê Thánh Tông cũng đặc biệt quan tâm xây dựng nền quốc phòng vững mạnh, kết hợp quản lý hành chính với bảo vệ biên giới, giữ vững chủ quyền và mở rộng lãnh thổ Đại Việt. Trong quan hệ đối ngoại, triều đình thực hiện đường lối mềm

đều nhưng kiên quyết trong bảo vệ lợi ích quốc gia, góp phần duy trì môi trường hòa bình để phát triển kinh tế và ổn định xã hội.

Thứ tư, chú trọng phát triển giáo dục, khoa cử và xây dựng đội ngũ quan lại phục vụ bộ máy nhà nước.

Bên cạnh cải cách tổ chức bộ máy nhà nước, Lê Thánh Tông đặc biệt coi trọng phát triển văn hóa và giáo dục như nền tảng nâng cao năng lực quản trị quốc gia. Thời kỳ này, Nho giáo được xác lập là hệ tư tưởng chính thống; hệ thống giáo dục và khoa cử được củng cố, Văn Miếu được tu bổ, các kỳ thi được tổ chức thường xuyên nhằm tuyển chọn nhân tài phục vụ bộ máy nhà nước. Việc lựa chọn quan lại thông qua thi cử thay vì chủ yếu dựa vào dòng dõi đã góp phần hình thành đội ngũ quan lại có trình độ, tạo cơ sở cho nền hành chính chuyên nghiệp và ổn định. Đặc biệt, vua Lê Thánh Tông rất quan tâm đến phát triển văn hóa dân tộc. Việc khuyến khích sử dụng chữ Nôm trong sáng tác văn học, cho dịch một số chiếu chỉ sang quốc âm và biên soạn Hồng Đức quốc âm thi tập không chỉ góp phần phát triển tiếng Việt mà còn củng cố bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng thời, việc đề cao giáo dục và chuẩn mực đạo đức Nho giáo đã tạo cơ sở xây dựng đội ngũ quan lại có phẩm chất, trách nhiệm và ý thức phụng sự triều đình, góp phần nâng cao hiệu lực của bộ máy nhà nước.

3. Vận dụng giá trị của tổ chức bộ máy nhà nước thời kỳ Lê Thánh Tông

Cải cách tổ chức bộ máy dưới thời Lê Thánh Tông không chỉ nhằm tập trung quyền lực vào chính quyền trung ương mà còn hướng tới xây dựng một nền hành chính có tổ chức chặt chẽ, phân công rõ ràng và gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát trong thực thi công vụ. Đây là một trong những nhân tố quan trọng tạo nên thời kỳ hưng thịnh của Đại Việt thế kỷ XV, đồng thời, để lại nhiều giá trị lịch sử về tổ chức quyền lực nhà nước, quản trị quốc gia và xây dựng nền hành chính thống nhất mà đến nay vẫn có ý nghĩa tham

khảo trong quá trình tiếp tục đổi mới tổ chức bộ máy nhà nước và xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam.

3.1. Vận dụng về xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước

Một trong những giá trị nổi bật của mô hình tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông là xây dựng nên hành chính thống nhất, quyền lực tập trung vào chính quyền trung ương nhưng có sự phân công rõ ràng giữa các cơ quan và các cấp quản lý. Trong điều kiện lịch sử đương thời, mô hình này góp phần bảo đảm sự thống nhất trong quản lý quốc gia, nâng cao hiệu lực điều hành và hạn chế tình trạng phân tán quyền lực, cát cứ địa phương. Đồng thời, bảo đảm tính thống nhất của quyền lực nhà nước đi đôi với cơ chế phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực phù hợp với yêu cầu phát triển của từng giai đoạn lịch sử.

Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam hiện nay, nguyên tắc quyền lực nhà nước thống nhất tiếp tục được khẳng định; đồng thời, gắn với yêu cầu đẩy mạnh phân quyền, phân cấp phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của chính quyền địa phương. Việc triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp cùng với hệ thống các nghị định về phân quyền, phân cấp và phân định thẩm quyền thời gian qua thể hiện nỗ lực hoàn thiện tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, giảm tầng nấc trung gian nhưng vẫn bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Trung ương. Vì vậy, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực và trách nhiệm giải trình của chính quyền địa phương nhằm phòng ngừa tình trạng lạm quyền, cục bộ địa phương hoặc thực hiện không thống nhất chính sách.

Cải cách của Lê Thánh Tông còn cho thấy, vai trò đặc biệt quan trọng của việc xây dựng một nền hành chính chuyên nghiệp, được tổ chức khoa học và vận hành trên cơ sở phân định rõ chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan nhà nước (Trương Vĩnh Khang,

2022). Bài học này vẫn còn nguyên giá trị trong bối cảnh Việt Nam đang tiếp tục cải cách nền hành chính, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất, năng lực, liêm chính và tinh thần phục vụ Nhân dân; đồng thời, hoàn thiện thể chế, nâng cao năng lực quản trị quốc gia và hiệu quả sử dụng nguồn lực công.

Những yêu cầu trên cũng phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương (khóa XIII) đã xác định nguyên tắc tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công, phối hợp và kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp (Ban Chấp hành Trung ương Đảng, 2022). Vì vậy, việc kế thừa những giá trị hợp lý từ mô hình tổ chức bộ máy nhà nước thời Lê Thánh Tông không phải là sao chép mô hình lịch sử, mà là tiếp thu tư duy về tổ chức quyền lực thống nhất, xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, tăng cường kỷ luật, kỷ cương và nâng cao hiệu lực quản trị quốc gia, qua đó đáp ứng yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam trong giai đoạn phát triển mới.

3.2. Vận dụng về xây dựng pháp luật phục vụ yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN

Một là, xây dựng pháp luật phải bảo đảm tính nhân văn, phù hợp thực tiễn và tôn trọng sự đa dạng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội. Một trong những giá trị nổi bật của thời Lê Thánh Tông là kết hợp giữa pháp luật của triều đình với hương ước, luật tục để quản lý xã hội. Việc phối hợp giữa phép nước và lệ làng không làm suy giảm hiệu lực của pháp luật mà góp phần nâng cao khả năng điều chỉnh các quan hệ xã hội phù hợp với điều kiện văn hóa, phong tục của từng địa phương. Nếu pháp luật nhà nước điều chỉnh các quan hệ cơ bản của đời sống chính trị - xã hội thì hương ước lại phát huy ưu thế trong điều chỉnh những quan hệ gắn với đặc điểm cộng đồng và có khả năng thích ứng linh hoạt với thực tiễn (Lê Minh Thông, 2008).

Điểm tiến bộ trong tư tưởng lập pháp của Lê Thánh Tông là thừa nhận sự tồn tại của nhiều cơ chế điều chỉnh xã hội nhưng vẫn đặt chúng trong khuôn khổ thống nhất của pháp luật nhà nước. Hương ước được phép ban hành nhưng phải được cơ quan nhà nước xem xét, phê chuẩn và không được trái với pháp luật (Lê Minh Thông, 2008). Đây là biểu hiện sớm của tư duy đa dạng pháp luật, tức sự tồn tại của nhiều cơ chế điều chỉnh trong cùng một không gian xã hội.

Trong bối cảnh hiện nay, bài học này vẫn còn nguyên giá trị. Quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng lấy con người làm trung tâm, bảo đảm quyền con người, quyền công dân; đồng thời, tôn trọng những giá trị văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của các cộng đồng dân cư. Việc phát huy vai trò của hương ước, quy ước ở cơ sở theo quy định của pháp luật không chỉ góp phần nâng cao hiệu quả quản trị xã hội mà còn tăng cường sự đồng thuận cũng như tính tự quản của cộng đồng trong khuôn khổ pháp luật thống nhất.

Hai là, xây dựng pháp luật phải gắn với yêu cầu phát triển đất nước và nâng cao chất lượng thể chế. Kinh nghiệm từ thời Lê Thánh Tông cho thấy, pháp luật chỉ phát huy hiệu lực khi phản ánh đúng yêu cầu phát triển của xã hội và được xây dựng trên cơ sở kết hợp hài hòa giữa truyền thống dân tộc với những giá trị tiến bộ của thời đại (Lê Minh Thông, 2008). Đây cũng là yêu cầu đặt ra đối với hoạt động lập pháp hiện nay khi Việt Nam đang tiếp tục hoàn thiện Nhà nước pháp quyền XHCN, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng XHCN và hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng. Tinh thần này tiếp tục được khẳng định trong Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật, trong đó nhấn mạnh yêu cầu xây dựng hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, ổn định, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ; đồng thời, đổi mới quy trình xây dựng pháp luật theo hướng

nâng cao chất lượng chính sách, tăng cường trách nhiệm giải trình, gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật (Bộ Chính trị, 2025).

Theo đó, chương trình xây dựng pháp luật cần ưu tiên các đạo luật liên quan đến phát triển con người, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, bình đẳng xã hội, phát triển khoa học, công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; đồng thời, bảo đảm tính đồng bộ giữa pháp luật với chiến lược phát triển kinh tế, văn hóa, giáo dục và khoa học - công nghệ của đất nước. Việc xây dựng pháp luật cần chuyển mạnh từ tư duy quản lý sang tư duy kiến tạo phát triển, coi chất lượng chính sách, tính khả thi và hiệu quả tổ chức thi hành là tiêu chí đánh giá hoạt động lập pháp. Đây cũng là định hướng quan trọng được đặt ra trong Nghị quyết số 66-NQ/TW nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Ba là, nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật và phát huy vai trò giám sát của Nhân dân. Bài học từ *Bộ luật Hồng Đức* cho thấy, giá trị của pháp luật không chỉ nằm ở nội dung mà còn ở hiệu quả tổ chức thực hiện. Vì vậy, cần tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước theo hướng nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị, bảo đảm quyền lực nhà nước được thực hiện đúng thẩm quyền, có sự kiểm soát và chịu sự giám sát của Nhân dân.

Trong hoạt động lập pháp, cần tiếp tục nâng cao chất lượng đại biểu Quốc hội, tăng cường sự tham gia của các chuyên gia, nhà khoa học và những người có kinh nghiệm thực tiễn nhằm nâng cao chất lượng xây dựng pháp luật, nhất là đối với các dự án luật có tác động lớn đến phát triển kinh tế - xã hội. Đồng thời, tiếp tục hoàn thiện cơ chế tiếp cận thông tin, công khai, minh bạch toàn bộ quy trình xây dựng pháp luật, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội tham gia góp ý, phản biện và giám sát quá trình lập pháp. Điều này thể hiện rõ Nghị quyết số 66-NQ/TW khi xác định phải đổi mới đồng bộ cả

công tác xây dựng và thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật xuất phát từ thực tiễn, phục vụ phát triển, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm, đồng thời, nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện và kiểm soát quyền lực trong quá trình thực thi pháp luật.

4. Kết luận

Từ việc củng cố lý luận, hoàn thiện nhận thức để thiết kế xây dựng mô hình Nhà nước pháp quyền XHCN cũng như tiếp cận về lịch sử để rút ra những bài học kinh nghiệm có giá trị là yêu cầu cấp thiết và quan trọng. Trong đó, nghiên cứu về Nhà nước thời kỳ Vua Lê Thánh Tông trị vì vẫn luôn là một ẩn số chưa được phân tích, đánh giá thật sự toàn diện và đầy đủ. Chính vì vậy, bài viết đưa ra một số bài học giá trị, đề xuất tiếp tục nghiên cứu để vận dụng các giá trị cơ bản, phù hợp của mô hình chính quyền vào thực tiễn xây dựng Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân ở Việt Nam hiện nay. □

Tài liệu tham khảo:

- Ban Chấp hành Trung ương Đảng (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
- Bộ Chính trị (2025). *Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới*.
- Hoàng Thị Kim Quế (2015). *Giáo trình Lý luận Nhà nước và pháp luật*. Nxb Quốc gia Hà Nội.
- Lê Minh Thông (2008). *Luật nước và hương ước lệ làng trong đời sống pháp lý của các cộng đồng làng xã Việt Nam*. Kỷ yếu Hội thảo Việt Nam học III.
- Ngô Sĩ Liên & cộng sự (1998). *Đại Việt sử ký toàn thư (Tập II)*. Nxb Khoa học Xã hội.
- Phan Huy Lê (2012). *Lịch sử Việt Nam (Tập 3): Từ thế kỷ XV đến thế kỷ XVI*. Nxb Khoa học Xã hội.
- Trương Vĩnh Khang (2022). *Nhà nước và pháp luật dưới triều đại Lê Thánh Tông (sách chuyên khảo)*. Nxb Thanh niên, tr. 13, 207.
- Vũ Minh Giang (2008). *Những đặc trưng cơ bản của bộ máy quản lý đất nước và hệ thống chính trị nước ta: trước thời kỳ đổi mới*. Nxb Chính trị quốc gia.